

Bản án số: **162/2022/DS-ST**

Ngày: 29/9/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM – THÀNH PHỐ HN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dũng

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Lợi, Bà Nguyễn Thị Luận

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Diệu – Thư ký TAND huyện CM.

Đại diện VKSND huyện CM tham gia phiên toà: ông Nguyễn Minh Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022, tại trụ sở TAND huyện CM tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 01/2022/DS-ST ngày 05/01/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXX –DS, ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP KTVN (T); Địa chỉ: Số 191 phố BT, phường LĐH, quận HBT, thành phố HN; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N - Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ; Người uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Lương Văn P

2. Bị đơn: 2.1. Ông Trần Tuấn T, sinh năm 1982

2.2. Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1985

Đều cư trú tại: Tổ 7, khu TB, thị trấn XM, huyện CM, thành phố HN.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966;

3.2. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1990 (con bà S)

3.3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995 (con dâu bà S);

3.4. Cháu Lê Quỳnh A, sinh năm 2016 (con anh Đ);

3.5. Cháu Lê Văn K, sinh năm 2019 (con anh Đ);

Cư trú tại: Thôn XL, xã TXL, huyện CM, HN

3.6. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 (cháu bà S)

Cư trú tại: Tổ 2 khu TX, thị trấn XM, huyện CM, HN

Có mặt: đại diện ủy quyền của Nguyên đơn; bị đơn anh Trần Tuấn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan).

Vắng mặt: chị Nguyễn Thu H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

1. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

1.1. Ngân hàng TMCP KTVN cùng ông Trần Tuấn T và bà Nguyễn Thu H đã ký kết 01 Hợp đồng tín dụng số: 31271/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 16/6/2010 và khế ước nhận nợ số: 31271, số tiền vay là 600.000.000 đồng (S trăm triệu đồng chẵn). Ngày nhận nợ vay là ngày 16/6/2010, thời hạn vay là 240 tháng (ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 16/6/2030). Lãi suất. 16%/ năm, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: Mua nhà. Lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/01 lần vào các ngày làm việc đầu quý và bằng lãi xuất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả sau của T tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 6%/01 năm, nhưng không thấp hơn lãi xuất cho vay tối thiểu được quy định bởi T tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng tương ứng từng thời điểm thay đổi lãi suất.

Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng cho Ông Trần Tuấn T và bà Nguyễn Thu H

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng ông T, bà H đã trả ngân hàng 35.000.000 ông tiền gốc; lãi đã trả 181.493.152 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán cho Ngân hàng là: 216.493.152 đồng.

Tính đến ngày 29/9/2022 T yêu cầu ông T, bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 1.612.296.178 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 565.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 620.169.553 đồng, nợ lãi quá hạn là: 427.126.625 đồng

Bị đơn tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 2661.2010/HĐTC-TCB ngày 14/6/2010 tại Phòng công chứng TL, thành phố HN

- Tài sản đảm bảo là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85A, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ: thôn XL, xã TXL, huyện CM, (tỉnh HT) nay là TP HN. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 100778, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: QSDĐ 02280 do UBND huyện CM, tỉnh HT (cũ) nay là TP HN cấp ngày 28/7/2008 cấp cho bà Nguyễn Thị S.*

T khẳng định việc ký Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp ông Trần Tuấn T, bà Nguyễn Thu H không trả được nợ, đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà H phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thu H Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, xác minh nhiều lần nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến

Bị đơn ông Trần Tuấn T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Ông xác nhận ngày 16/6/2010 ông, bà H và Ngân hàng KTVN có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 31271/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB với tổng số tiền vay là 600.000.000 đồng; Mục đích vay, thời hạn vay và lãi suất vay như Ngân hàng trình bày. Các nội dung thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả được 216.493.152 đồng bao gồm 35.000.000 đồng nợ gốc và 181.493.152 đồng nợ lãi.

Bị đơn xác nhận nghĩa vụ còn nợ và có trách nhiệm trả ngân hàng TMCP KTVN tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2022 là: 1.612.296.178 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 565.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 620.169.553 đồng, nợ lãi quá hạn là: 427.126.625 đồng

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông T trình bày nhiều năm nay công việc làm kinh tế gia đình gặp khó khăn, thu nhập giảm sút. Ông T đề nghị các cơ quan và ngân hàng xem xét tạo điều kiện cho vợ chồng ông trả nợ gốc và miễn một phần lãi.

Bị đơn xác nhận để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng trên, các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 2661.2010/HĐTC-TCB ngày 14/6/2010 tại Văn phòng công chứng TL, thành phố HN

- Tài sản đảm bảo là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85A, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ: thôn XL, xã TXL, huyện CM, (tỉnh HT) nay là TP HN. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 100778, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: QSDĐ 02280 do UBND huyện CM, tỉnh HT (cũ) nay là TP HN cấp ngày 28/7/2008 cấp cho bà Nguyễn Thị S.*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Đ, chị L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

- Xác nhận và có cho cháu gái ruột là Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay Ngân hàng. Nhưng do chị Mai không vay được Ngân hàng nên có nhờ anh T, chị H đứng ra vay hộ tiền của Ngân hàng

- Xác nhận bà ký hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông T bà H theo đúng như nguyên đơn trình bày, xác định đầy đủ người đang sinh sống trên thửa đất như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, ngoài ra không còn ai, gia đình không cho ai thuê mượn, ở nhờ trên đất.

Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà đề nghị ngân hàng cho ông T, bà H trả gốc, xóa lãi để bị đơn sớm trả được nợ cho ngân hàng, giải chấp trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà về quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Chị là cháu ruột của bà Nguyễn Thị S có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 85A, tờ bản đồ số 08, địa chỉ tại: Thôn XL, xã TXL, huyện CM, thành phố HN của bà Nguyễn Thị S để anh Trần Tuấn T, chị Nguyễn Thu H vay tiền Ngân hàng, tuy nhiên chị không sử dụng và không biết vợ chồng anh T chị H vay bao nhiêu tiền, nay Ngân hàng khởi kiện chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông T, bà H trả gốc, xóa lãi để trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S về quản lý, sử dụng

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, xác định có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sinh sống, cư trú trên thửa đất thế chấp gồm: Bà S, anh Đ, chị L và các con chưa thành niên của anh Đ, chị L, ngoài ra không còn ai khác và không có ai thuê, mượn, ở nhờ trên đất thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát huyện CM thể hiện quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ;

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KTVN đối với ông Trần Tuấn T và bà Nguyễn Thu H.

Buộc ông Trần Tuấn T và bà Nguyễn Thu H phải thanh toán trả cho Ngân

hàng tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 29/9/2022 Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số: 31271/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 16/6/2010 là: 1.612.296.178 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 565.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 620.169.553 đồng, nợ lãi quá hạn là: 427.126.625 đồng

Bị đơn tiếp tục chịu lãi và lãi quá hạn đối với số tiền gốc còn nợ kể từ ngày 30/9/2022 theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

- Xác định các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Trần Tuấn T, bà Nguyễn Thu H cư trú tại: Tổ 7, khu TB, thị trấn XM, huyện CM, HN; Việc Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời điểm giao kết HĐTD, HĐTCTS, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thu H, tuy nhiên bị đơn bà H vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết theo đúng quy định pháp luật

Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ Điều 227 BLTTDS. Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung

[2] Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết:

Hợp đồng tín dụng số 31271/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ký ngày 16/6/2010. Số tiền ngân hàng cho vợ chồng ông T, bà H vay 600.000.000 đồng. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định Hợp đồng tín dụng số 31271/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ký ngày 16/6/2010 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thoả thuận của Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP KTVN đã giải ngân cho ông T, bà H vay đủ số tiền 600.000.000đồng, bị đơn đã nhận đủ thông qua khế ước. Như vậy Ngân hàng TMCP KTVN thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông T, bà H đã trả được 35.000.000 đồng tiền gốc; lãi đã trả là 181.493.152 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán cho Ngân hàng là: 216.493.152 đồng. Sau đó ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết và vẫn chưa thanh toán hết khoản vay trên. Như vậy ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng.

Do đó Ngân hàng TMCP KTVN khởi kiện đề nghị buộc ông T, bà H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, buộc ông Trần Tuấn T và bà Nguyễn Thu H phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP KTVN toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 29/9/2022 là: 1.612.296.178 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 565.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 620.169.553 đồng, nợ lãi quá hạn là: 427.126.625 đồng.

Kể từ ngày 30/9/2022, ông T, bà H phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Xét: Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 2661.2010/HĐTC-TCB ngày 14/6/2010 tại Văn phòng công chứng TL, thành phố HN, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 15/6/2011 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện CM.

Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông T, bà H là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85A, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ: thôn XL, xã TXL, huyện CM, (tỉnh HT) nay là TP HN. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 100778, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: QSDĐ 02280 do UBND huyện CM, tỉnh HT (cũ) nay là TP HN cấp ngày 28/7/2008 cấp cho bà Nguyễn Thị S,*

Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp thì không bị ai ép buộc và trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định: Các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp

luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Do vậy: Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó trường hợp ông Trần Tuấn T và bà Nguyễn Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP KTVN có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85A, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ: thôn XL, xã TXL, huyện CM, (tỉnh HT) nay là TP HN. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 100778, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: QSDĐ 02280 do UBND huyện CM, tỉnh HT (cũ) nay là TP HN cấp ngày 28/7/2008 cấp cho bà Nguyễn Thị S để thu hồi khoản nợ.*

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

- Ông Trần Tuấn T, bà Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

- Ngân hàng TMCP KTVN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 290, 342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 317, 318, 463, 466, khoản 1 Điều 292, 293, 295, 298 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KTVN

1. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Trần Tuấn T, bà Nguyễn Thu H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP KTVN toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 31271/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ký ngày 16/6/2010 tạm tính đến ngày 29/9/2022 là: 1.612.296.178 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 565.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 620.169.553 đồng, nợ lãi quá hạn là: 427.126.625 đồng

Kể từ ngày 30/9/2022, ông Trần Tuấn T, bà Nguyễn Thu H phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

2.1. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP KTVN có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85A, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ: thôn XL, xã TXL, huyện CM, (tỉnh HT) nay là TP HN. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 100778, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: QSDĐ 02280 do UBND huyện CM, tỉnh HT (cũ) nay là TP HN cấp ngày 28/7/2008 cấp cho bà Nguyễn Thị S.*

3. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Về án phí:

4.1. Ông Trần Tuấn T, bà Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 60.368.800 đồng

4.2. Trả lại Ngân hàng TMCP KTVN 40.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0075603 ngày 04/01/2022.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HN;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Đường sự;
- Lưu VP/HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Dũng

